

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU
VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 1332/2025/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Lê Quyên.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Phạm Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 880/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 3043/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông **Trần Kim Q**, sinh năm 1970
Nơi cư trú: số I Đường I, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu: bà Phan Võ Khánh L, sinh năm 2002 hoặc bà Vũ Thị H, sinh năm 2000 là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 11/4/2025.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Lê Á P, sinh năm 1950

2/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1948

Cùng nơi cư trú: số A Đường F, khu phố D, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Anh Trần Lê Khánh V, sinh năm 2002

4/ Trẻ Trần Quang V1, sinh năm 2008

Cùng nơi cư trú: số I Đường I, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ V1 là ông Trần Kim Q.

(Tất cả các đương sự đều vắng mặt tại phiên họp)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu ngày 27/3/2025 và bản tự khai ngày 21/5/2025, người yêu cầu – ông Trần Kim Q trình bày:

Ông và bà Lê Thị Hải Y tự nguyện tìm hiểu, sống chung, có đăng ký kết hôn ngày 02/5/2002 tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận I - nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2002, quyển số 01. Quá trình chung sống bình thường đến ngày 15/01/2023, bà Y rời khỏi nhà với lý do đi ăn đám cưới

người thân ở tỉnh nhưng sau đó mất liên lạc hoàn toàn với gia đình và người thân từ đó đến nay. Ông và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì về bà Y.

Quá trình sống chung, ông và bà Y có 02 người con chung là Trần Lê Khánh V và Trần Quang V1. Bà Y có cha, mẹ ruột là ông Lê Á P và bà Nguyễn Thị Đ.

Nay ông yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Lê Thị Hải Y mất tích và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 17/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Trần Lê Khánh V trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của cha anh là ông Trần Kim Q về hoàn cảnh gia đình và sự việc mẹ anh là bà Y rời nhà đi và đã mất liên lạc hoàn toàn với gia đình hơn 02 năm nay.

Nay cha anh là ông Trần Kim Q yêu cầu tuyên bố mẹ anh là bà Lê Thị Hải Y mất tích thì anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 21/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Đ trình bày: bà Lê Thị Hải Y là con gái của bà và ông P. Năm 2002, bà Y kết hôn với ông Q và có 02 người con chung tên là Trần Lê Khánh V, Trần Quang V1. Đầu năm 2023, gia đình chồng bà Y thông báo việc bà Y đã đi khỏi nhà, không liên lạc được. Bà xác nhận con gái của bà là bà Y đã mất liên lạc hoàn toàn, đến nay không có tin tức gì.

Tại phiên họp:

- Người yêu cầu ông Trần Kim Q và người đại diện hợp pháp của ông Q là bà Phan Võ Khánh L có đơn xin vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu tuyên bố bà Lê Thị Hải Y mất tích.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Lê Khánh V có đơn xin vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Á P, bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt không rõ lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý việc dân sự đến phiên họp giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Trần Kim Q về việc tuyên bố bà Lê Thị Hải Y mất tích. Ông Trần Kim Q phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ việc: Ông Trần Kim Q yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Lê Thị Hải Y mất tích, bà Y có nơi cư trú cuối cùng tại phường H, thành phố T - nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây vụ việc

dân sự về yêu cầu tuyên bố một người mất tích thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Kim Q, anh Trần Lê Khánh V và bà Phan Võ Khánh L có đơn xin vắng mặt; ông Lê Á P và bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên họp không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ đơn yêu cầu; Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2022, quyền số 01 ngày 02/5/2002 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận I - nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và lời trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định ông Trần Kim Q là chồng hợp pháp của bà Lê Thị Hải Y. Từ ngày 15/01/2023, bà Y rời nhà đi đến nay không rõ tung tích. Ông Q và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không gặp, không liên lạc được với bà Y.

Tại kết quả trả lời xác minh, Công an phường H, thành phố T (cũ) xác định: “Bà Lê Thị Hải Y, sinh năm 1974 có hộ khẩu thường trú tại I Đường I, khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không còn thực tế cư trú, đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 12/2022. Hiện nay công an phường không có thông tin bà Lê Thị Hải Y đang ở đâu”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích trên báo hàng ngày của Trung ương trong ba số liên tiếp, phát sóng trên Đài phát thanh của Trung ương ba lần trong ba ngày liên tiếp, đăng tin trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố H trong 03 ngày liên tiếp nhưng đã quá thời hạn 04 tháng, kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên vẫn không có tin tức gì xác thực là bà Y đang ở đâu, còn sống hay đã chết.

Từ căn cứ trên, đủ cơ sở để xác định bà Y đã biệt tích 02 năm liền trở lên, mặc dù đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc bà Y còn sống hay đã chết. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 68 Bộ luật dân sự, Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Trần Kim Q về việc tuyên bố bà Lê Thị Hải Y (sinh năm 1974; số căn cước công dân: 015174000118; nơi cư trú cuối cùng: số I Đường I, khu phố F, phường H, thành phố T - nay là khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) mất tích.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, người yêu cầu ông Trần Kim Q phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 387, Điều 388 và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Trần Kim Q.

Tuyên bố bà Lê Thị Hải Y (sinh năm 1974; số căn cước công dân: 015174000118; nơi cư trú cuối cùng: số I Đường I, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) mất tích.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, ông Trần Kim Q phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tạm ứng lệ phí mà ông Q đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số: 0073162 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Ông Q đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nơi nhận:

- VKSND KV2-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Lệ Quyên